

Số: 34/QĐ-THCSHL

Hàm Liêm, ngày 03 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân công chuyên môn Đầu năm, năm học 2025 – 2026
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÀM LIÊM

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

Căn cứ vào quy mô trường, lớp, số lượng học sinh và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiện có của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công chuyên môn đầu năm, năm học 2025 - 2026 cho 46 cán bộ, giáo viên, nhân viên (có bảng phân công kèm theo).

Điều 2. Bảng phân công chuyên môn này được áp dụng từ ngày 08/9/2025. Phân công phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn có trách nhiệm sắp xếp thời khóa biểu giảng dạy đảm bảo đúng chương trình và các quy định hiện hành.

Điều 3. Lãnh đạo trường, tổ chuyên môn, các cá nhân, các bộ phận có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXXH (b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: CM, VT.



Lương Thanh Dũng

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2025 - 2026

Khối 6: 5 lớp; Khối 7: 5 lớp; Khối 8: 6 lớp; Khối 9: 4 lớp.

Lần 01: Áp dụng từ tuần 01, ngày 08/9/2025

S T T	Họ và tên CB- GV -NV		Chức vụ	Giới tính	Đảng viên	Năm vào ngành	Trình độ chuyên môn đào tạo			Kiểm nhiệm	Số tiết KN	Phân công chuyên môn	Số tiết thực dạy	TS tiết công tác	Thừa (+), Thiếu (-)
							Trình độ	Môn 1	Môn 2						
1	Lương Thanh	Dũng	P.HT	Nam	x	2006	ĐHSP	Địa	Sử	BTCB		Phụ trách chung + Địa Lí ĐP 7 ^{1,2,3,4,5} /2		2	
2	Nguyễn Thành	Đông	P.HT	Nam	x	2004	ĐHSP	Toán	Tin	P.BTCB		Phụ trách chuyên môn +Tin 8 ^{5,6} /2+Tin 9 ^{1,2} /2		4	
3	Đặng Thị Thu	Hiền	P.HT	Nữ	x	2003	ĐHSP	Anh				Phụ trách CSVC +Anh 9 ¹ /3		3	-1
4	Nguyễn Minh	Đôn	GV.TPT	Nam	x	2005	ĐHSP	GDTC				GDTC 9 ³ /2		2	
Tổ Toán - Tin															
5	Lương Diễm	Ý	TTCM	Nữ	x	2003	ĐHSP	Toán	Tin	TTCM	3	Toán 9 ^{1,2,3} /12 + Tin 6 ^{1,2,3} /3	15	18	-1
6	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	GV	Nữ		1993	ĐHSP	Toán				Toán 9 ⁴ /4 +Toán 6 ^{1,2,3,4} /16	20	20	1
7	Nguyễn Thị Kim	Tiến	GV	Nữ		2001	ĐHSP	Toán	Tin			Toán 8 ^{1,4,6} /12 +Toán 7 ^{1,2} /8	20	20	1
8	Nguyễn Văn	Lương	GV	Nam	x	1994	CĐSP	Toán				Toán 7 ^{3,4,5} /12 +Toán 6 ⁵ /4	16	16	-3
9	Trần Thị	Ven	GV	Nữ	x	1997	ĐHSP	Toán	Tin	CN 8 ²	4	HĐTNHN 8 ² /3+Toán 8 ^{2,3,5} /12	15	19	0
10	Đào Quốc	Trọng	TPCM	Nam	x	2009	ĐHSP	Tin		PT.CNTT, TPCM	4	Tin 8 ^{1,2,3,4} /4 + Tin 9 ^{3,4} /2 +GDTC 7 ^{1,2,3,4,5} /10	16	20	1
Tổ KHTN- C. Nghệ															
11	Phạm Thanh	Là	TTCM	Nam	x	1995	ĐHSP	Hóa	KTNN	CN 9 ³ , TPCM	7	HĐTNHN 9 ³ /3+KHTN(H) 9 ^{1,3,4} /6 +KHTN(S) 7 ¹ /2	11	18	-1
12	Huỳnh Thị	Hương	GV	Nữ	x	1997	ĐHSP	Hóa	Lý	CN 9 ²	4	HĐTNHN 9 ² /3+KHTN(H) 8 ^{1,2,3,4,5} /10+KHTN(H) 9 ² /2	15	19	0

S T T	Họ và tên CB- GV -NV		Chức vụ	Giới tính	Đảng viên	Năm vào ngành	Trình độ chuyên môn đào tạo			Kiêm nhiệm	Số tiết KN	Phân công chuyên môn	Số tiết thực dạy	TS tiết công tác	Thừa (+), Thiếu (-)
							Trình độ	Môn 1	Môn 2						
13	Văn Thị	Hiệp	GV	Nữ	x	2002	ĐHSP	Hóa	Sinh	CN 6 ⁵	4	HĐTNNH 6 ⁵ /3+KHTN(S) 7 ^{2,3,4,5} /8+KHTN(S) 6 ^{4,5} /4	15	19	0
14	Mai Thị	Lan	GV	Nữ	x	2004	ĐHSP	Sinh	KTNN	CN 8 ⁶	4	HĐTNNH 8 ⁶ /3+KHTN(S) 8 ^{1,2,3,4,5,6} /6 +KHTN(S) 9 ^{1,2,3,4} /4+KHTN(S) 6 ¹ /2	15	19	0
15	Nguyễn Thị Minh	Châu	TPCM	Nữ		1997	ĐHSP	Lý	KTCN	CN 8 ⁵ , TPCM	5	HĐTNNH 8 ⁵ /3+KHTN(L) 8 ^{5,6} /2 +CNgh khối 8/6+CNgh 6 ^{1,2,3} /3	14	19	0
16	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	GV	Nữ	x	2002	ĐHSP	Lý	Tin	CN 8 ⁴	4	HĐTNNH 8 ⁴ /3+KHTN(L) 8 ^{1,2,3,4} /4+Tin 6 ^{4,5} /2+Tin 7 ^{1,2,3,4,5} /5	14	18	-1
17	Tống Thị Ái	Liên	GV	Nữ	x	1999	ĐHSP	Lý	Hoá	CN 6 ³ , PCGD	8	HĐTNNH 6 ³ /3+Hóa 8 ⁶ /2 +KHTN(H) 6 ^{1,2,3,4,5} /5	10	18	-1
18	Huỳnh Thị Thanh	Dung	GV	Nữ	x	1999	ĐHSP	Lý	Hoá	CN 7 ⁴	4	HĐTNNH 7 ⁴ /3+KHTN(L) 9 ^{2,4} /2+KHTN(H) 7 ^{1,2,3,4,5} /5+ KHTN(L) 7 ^{1,2,3,4,5} /5	15	19	0
19	Nguyễn Thị Thu	Diễm	GV	Nữ		2004	ĐHSP	Lý	C.Ngh ệ	CN 9 ¹	4	HĐTNNH 9 ¹ /3+KHTN(L) 9 ^{1,3} /2+KHTN(S) 6 ^{2,3} /4+KHTN(L) 6 ^{1,2,3,4,5} /5	14	18	-1
20	Lê Thị	Ngân	GV	Nữ	x	2008	ĐHSP	KTGD	KTNN	CN 7 ⁵	4	HĐTNNH 7 ⁵ /3+CNgh 7 ^{1,2,3,4,5} /5 +CNgh 9 ^{1,2,3,4} /4+CNgh 6 ^{4,5} /2	14	18	-1
	Tổ Anh - Năng khiếu														
21	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	TTCM	Nữ	x	2002	ĐHSP	Anh		TTCM	3	Anh 9 ^{2,3,4} /9 + Anh 7 ^{1,2,3} /9	18	21	2
22	Nguyễn Minh	Tâm	GV	Nam		1987	CĐSP	Anh				Anh 8 ^{1,2} /6 + Anh 6 ^{1,2,3,4,5} /15	21	21	2
23	Cù Thị Thu	Thảo	GV	Nữ		2002	ĐHSP	Anh				Anh 8 ^{3,4,5,6} /12 + Anh 7 ^{4,5} /6	18	18	-1
24	Nguyễn Thị Kim	Hòa	GV	Nữ		2003	CĐSP	GDTC				GDTC khối 8/12 + GDTC 9 ^{1,2,4} /6	18	18	-1
25	Lê Thụy Đào Diễm	Phúc	TPCM	Nữ	x	2004	ĐHSP	Nhạc	KTPV	TB.VT, TPCM	3	N.Thuật(N) khối 7/5+ N.Thuật(N) khối 9/4+ N.Thuật(MT) khối 9/4+N.Thuật(MT) 8 ^{1,2,3} /3	16	19	0
26	Phạm Thị	Diễn	GV	Nữ		2004	ĐHSP	Nhạc	MT			N.Thuật(N) khối 6/5+N.Thuật(N) khối 8/6+N.Thuật(MT) 8 ^{4,5,6} /3+ ANĐP khối 8/1,8+ N.Thuật(MT) 6 ^{3,4,5} /3	18.8	18.8	-0.2
	Tổ KHXH														
27	Nguyễn Ngọc	Vy	TTCM	Nữ	x	2001	CĐSP	Văn	Sử	TTCM	3	Văn 9 ^{2,3,4} /12 + Văn 7 ⁵ /4	16	19	0

S T T	Họ và tên CB- GV -NV		Chức vụ	Giới tính	Đảng viên	Năm vào ngành	Trình độ chuyên môn đào tạo			Kiểm nhiệm	Số tiết KN	Phân công chuyên môn	Số tiết thực dạy	TS tiết công tác	Thừa (+), Thiếu (-)
							Trình độ	Môn 1	Môn 2						
28	Ngô Thị Vinh	Thùy	GV	Nữ	x	2004	ĐHSP	Văn				Văn 9 ^{1/4} + Văn 6 ^{1,2,3} /12+ Văn ĐP 9 ^{1,2,3,4} /1,6	17.6	17.6	-1.4
29	Nguyễn Thị	Hạnh	GV	Nữ		2005	ĐHSP	Văn	Sử			Văn 8 ^{3,4,5,6} /16 + Văn ĐP 8 ⁶ /0,4 + Văn ĐP 6 ^{4,5} /1	17.4	17.4	-1.6
30	Đào Thị Xuân	Hạnh	GV	Nữ		2003	ĐHSP	Văn	GDCD			Văn 6 ^{4,5} /8 + Văn 8 ^{1,2} /8 + Văn ĐP 6 ^{1,2,3} /1,5	17.5	17.5	-1.5
31	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	GV	Nữ	x	2007	ĐHSP	Văn				Văn 7 ^{1,2,3,4} /16 + Văn ĐP 8 ^{1,2,3,4,5} /2	18	18	-1
32	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	TPCM	Nữ	x	2015	ĐHSP	GDCD		CN 6 ² , TPCM	5	HĐTNHN 6 ² /3+GDCD khối 6/5 + GDCD khối 9/4 +GDCD ĐP 9 ^{1,2} /0,4 + N.Thuật(MT) 7 ^{3,5} /2	14.4	19.4	0.4
33	Vũ Thị	Thân	GV	Nữ	x	2004	ĐH GDCT	GDCD	Sử	CN 7 ¹	4	HĐTNHN 7 ¹ /3 + GDCD khối 7/5 +GDTC 6 ^{1,2} /4 +GDCD ĐP 7 ^{1,2,3} /1,2 + N.Thuật(MT) 7 ^{1,2} /2	15.2	19.2	0.2
34	Huỳnh Thị Bạch	Hiệp	GV	Nữ	x	2005	ĐH GDCT	GDCD	Sử	CN 8 ³	4	HĐTNHN 8 ³ /3 + GDCD khối 8/6 +GDTC 6 ^{3,4} /4 +GDCD ĐP 9 ^{3,4} /0,4 + MT 6 ² /1+GDCD ĐP 7 ^{4,5} /0,8	15.2	19.2	0.2
35	Nguyễn Thị Ngọc	Lệ	TPCM	Nữ		2003	ĐHSP	Sử	Địa	CN 9 ⁴ , TPCM	5	HĐTNHN 9 ⁴ /3 + LS&ĐL (LS) 9 ^{1,2,3,4} /4 + LS&ĐL (ĐL) 7 ^{3,4,5} /6 + L.Sử ĐP 8 ^{1,2,3} /0,9 +N.Thuật (MT) 7 ⁴ /1	14.9	19.9	0.9
36	Nguyễn Ngọc Thiên	Kiều	GV	Nữ		2003	ĐHSP	Sử	GDCD	CN 8 ¹	4	HĐTNHN 8 ¹ /3 + LS&ĐL (LS) 8 ^{1,2,3} /6 + LS&ĐL (LS) 6 ^{1,2} /4 + GDTC 6 ⁵ /2	15	19	0
37	Hà Thị Phúc	Hiệp	GV	Nữ		2004	ĐHSP	Sử	GDCD	CN 6 ⁴	4	HĐTNHN 6 ⁴ /3 + LS&ĐL (LS) 6 ^{3,4,5} /6 + LS&ĐL (ĐL) 6 ^{3,4,5} /3 + L.Sử ĐP 7 ^{1,2,3,4,5} /1+ L.Sử ĐP 8 ^{4,5,6} /0,9	13.9	17.9	-1.1
38	Phạm Thị	Loan	GV	Nữ	x	2003	CĐSP	Sử	Địa	CN 7 ³	4	HĐTNHN 7 ³ /3 + LS&ĐL (LS) 7 ^{1,2,3,4,5} /5 + LS&ĐL (ĐL) 8 ^{1,2,3,4,5,6} /6 + Đ.Lí ĐP 9 ^{1,2} /0,8	14.8	18.8	-0.2
39	Lê Trần Phương	Uyên	GV	Nữ		2004	ĐHSP	Sử	GDCD	CN 6 ¹	4	HĐTNHN 6 ¹ /3 + LS&ĐL (LS) 8 ^{4,5,6} /6 + LS&ĐL (ĐL) 6 ^{1,2} /2 + Đ.Lí ĐP 6 ^{1,2,3,4,5} /2,5 + N.Thuật (MT) 6 ¹ /1	14.5	18.5	-0.5

S T T	Họ và tên CB- GV -NV		Chức vụ	Giới tính	Đảng viên	Năm vào ngành	Trình độ chuyên môn đào tạo			Kiêm nhiệm	Số tiết KN	Phân công chuyên môn	Số tiết thực dạy	TS tiết công tác	Thừa (+), Thiếu (-)
							Trình độ	Môn 1	Môn 2						
40	Đặng Thị Mai	Phuong	GV	Nữ		2004	ĐHSP	Địa	Sử	CN 7 ²	4	HĐTNHN 7 ² /3 + LS&ĐL (ĐL) 9 ^{1,2,3,4} /8 + LS&ĐL (ĐL) 7 ^{1,2} /4+ Đ.Lí ĐP 9 ^{3,4} /0,8	15.8	19.8	0.8
	Tổ Văn Phòng														
41	Huỳnh Thị Mỹ	Trinh	TPVP	Nữ	x	2005	ĐH Kế toán								
42	Lưu Thị Mỹ	Thi	NV	Nữ		2005	ĐH Kế toán								
43	Thái Khắc	Toàn	NV	Nam		2006	TC Y sỹ								
44	Tống Thị Thanh	Trang	NV	Nữ		2004	ĐH KT Luật								
45	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	NV	Nữ	x	2004	TC Kế toán								
46	Lương Tấn	Thy	NV	Nam		2017	TC Du lịch								

Hàm Liêm, ngày 03 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP
P.HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông



KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG

Lương Thanh Dũng

THỜI KHÓA BIỂU CHIỀU
Lần 01: Áp dụng từ tuần 01, ngày 08/9/2025

Thứ	Tiết	6 ¹	6 ²	6 ³	6 ⁴	6 ⁵	8 ¹	8 ²	8 ³	8 ⁴	8 ⁵	8 ⁶
Hai	1	LS&ĐL (Đ-Uyên)	LS&ĐL (S-Kiều)	Toán (Thảo)	LS&ĐL (S-P.Hiệp)	KHTN (H- Liên)	Anh (Tâm)	GDCD (B.Hiệp)	Toán (Vẹn)	N.Thuật (MT-Diễn)	KHTN (L-Châu)	KHTN (S-Lan)
	2	LS&ĐL (S-Kiều)	LS&ĐL (Đ-Uyên)	LS&ĐL (S-P.Hiệp)	GDCD (H.Hạnh)	KHTN (S-V.Hiệp)	Anh (Tâm)	KHTN (L-Nguyệt)	Toán (Vẹn)	GDCD (B.Hiệp)	N.Thuật (MT-Diễn)	KHTN (L-Châu)
	3	GDCD (H.Hạnh)	KHTN (H- Liên)	Toán (Thảo)	KHTN (S-V.Hiệp)	N.Thuật (N-Diễn)	KHTN (L-Nguyệt)	Anh (Tâm)	LS&ĐL (S-Kiều)	KHTN (S-Lan)	LS&ĐL (S-Uyên)	GDCD (B.Hiệp)
	4	KHTN (H- Liên)	N.Thuật (MT-B.Hiệp)	GDCD (H.Hạnh)	Toán (Thảo)	LS&ĐL (S-P.Hiệp)	LS&ĐL (S-Kiều)	Anh (Tâm)	KHTN (S-Lan)	LS&ĐL (S-Uyên)	Toán (Vẹn)	C.Ngh (Châu)
	5	<i>Chào cờ</i>										
Ba	1	Văn (Thùy)	KHTN (L-Diễm)	C.Ngh (Châu)	Anh (Tâm)	Văn (X.Hạnh)	KHTN (H-Hương)	Toán (Vẹn)	N.Thuật (N-Diễn)	Anh (C.Thảo)	Văn (T.Hạnh)	KHTN (H-Liên)
	2	Toán (Thảo)	C.Ngh (Châu)	Anh (Tâm)	KHTN (H-Liên)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Tiến)	Toán (Vẹn)	Anh (C.Thảo)	KHTN (H-Hương)	Văn (T.Hạnh)	N.Thuật (N-Diễn)
	3	C.Ngh (Châu)	Anh (Tâm)	Văn (Thùy)	Toán (Thảo)	KHTN (L-Diễm)	Toán (Tiến)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Vẹn)	N.Thuật (N-Diễn)	KHTN (H-Hương)	Văn (T.Hạnh)
	4	Anh (Tâm)	KHTN (S-Diễm)	Văn (Thùy)	Toán (Thảo)	C.Ngh (Ngân)	Văn (X.Hạnh)	KHTN (H-Hương)	Anh (C.Thảo)	Toán (Tiến)	N.Thuật (N-Diễn)	Văn (T.Hạnh)
	5	Văn (Thùy)	Toán (Thảo)	KHTN (S-Diễm)	C.Ngh (Ngân)	Anh (Tâm)	Văn (X.Hạnh)	N.Thuật (N-Diễn)	KHTN (H-Hương)	Văn (T.Hạnh)	Anh (C.Thảo)	Toán (Tiến)
Tư	1	KHTN (S-Lan)	Văn (Thùy)	KHTN (L-Diễm)	Toán (Thảo)	Anh (Tâm)	C.Ngh (Châu)	Văn (X.Hạnh)	Văn (T.Hạnh)	Anh (C.Thảo)	KHTN (H-Hương)	N.Thuật (MT-Diễn)
	2	Toán (Thảo)	Văn (Thùy)	Anh (Tâm)	KHTN (L-Diễm)	N.Thuật (MT-Diễn)	KHTN (S-Lan)	Văn (X.Hạnh)	KHTN (H-Hương)	Văn (T.Hạnh)	C.Ngh (Châu)	Anh (C.Thảo)
	3	KHTN (L-Diễm)	Toán (Thảo)	Văn (Thùy)	N.Thuật (MT-Diễn)	Anh (Tâm)	KHTN (H-Hương)	KHTN (S-Lan)	C.Ngh (Châu)	Toán (Tiến)	LS&ĐL (Đ-Loan)	Văn (T.Hạnh)
	4	Văn (Thùy)	Toán (Thảo)	KHTN (S-Diễm)	Anh (Tâm)	Toán (Lương)	Văn (X.Hạnh)	KHTN (H-Hương)	Văn (T.Hạnh)	Toán (Tiến)	Anh (C.Thảo)	LS&ĐL (Đ-Loan)
	5	Văn (Thùy)	KHTN (S-Diễm)	Anh (Tâm)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Lương)	N.Thuật (N-Diễn)	LS&ĐL (Đ-Loan)	Anh (C.Thảo)	KHTN (H-Hương)	Văn (T.Hạnh)	Toán (Tiến)

Thứ	Tiết	6 ¹	6 ²	6 ³	6 ⁴	6 ⁵	8 ¹	8 ²	8 ³	8 ⁴	8 ⁵	8 ⁶
Năm	1	N.Thuật (N-Diễn)	LS&ĐL (S-Kiều)	Toán (Thảo)	Anh (Tâm)	LS&ĐL (Đ-P.Hiệp)	Toán (Tiến)	Văn (X.Hạnh)	Văn (T.Hạnh)	LS&ĐL (S-Uyên)	Toán (Vẹn)	Anh (C.Thảo)
	2	Toán (Thảo)	Anh (Tâm)	LS&ĐL (Đ-P.Hiệp)	N.Thuật (N-Diễn)	Văn (X.Hạnh)	LS&ĐL (S-Kiều)	Toán (Vẹn)	Văn (T.Hạnh)	Toán (Tiến)	LS&ĐL (S-Uyên)	Anh (C.Thảo)
	3	Toán (Thảo)	Anh (Tâm)	N.Thuật (N-Diễn)	LS&ĐL (Đ-P.Hiệp)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Tiến)	LS&ĐL (S-Kiều)	N.Thuật (MT-Phúc)	LS&ĐL (Đ-Loan)	Anh (C.Thảo)	LS&ĐL (S-Uyên)
	4	Anh (Tâm)	N.Thuật (N-Diễn)	Toán (Thảo)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Lương)	N.Thuật (MT-Phúc)	Toán (Vẹn)	LS&ĐL (Đ-Loan)	Anh (C.Thảo)	Văn (T.Hạnh)	Toán (Tiến)
	5	Anh (Tâm)	Toán (Thảo)	N.Thuật (MT-Diễn)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Lương)	LS&ĐL (Đ-Loan)	N.Thuật (MT-Phúc)	LS&ĐL (S-Kiều)	Văn (T.Hạnh)	Toán (Vẹn)	Toán (Tiến)
Sáu	1	N.thuật (MT-Uyên)	GDCD (H.Hạnh)	Văn (Thùy)	KHTN (S-V.Hiệp)	LS&ĐL (S-P.Hiệp)	GDCD (B.Hiệp)	LS&ĐL (S-Kiều)	KHTN (L-Nguyệt)	C.Ngh (Châu)	KHTN (S-Lan)	KHTN (H- Liên)
	2	KHTN (S-Lan)	Văn (Thùy)	LS&ĐL (S-P.Hiệp)	Văn (X.Hạnh)	KHTN (S-V.Hiệp)	Anh (Tâm)	C.Ngh (Châu)	GDCD (B.Hiệp)	Văn (T.Hạnh)	Toán (Vẹn)	LS&ĐL (S-Uyên)
	3	LS&ĐL (S-Kiều)	Văn (Thùy)	KHTN (H- Liên)	LS&ĐL (S-P.Hiệp)	GDCD (H.Hạnh)	Văn (X.Hạnh)	Anh (Tâm)	Toán (Vẹn)	KHTN (L-Nguyệt)	GDCD (B.Hiệp)	Văn (T.Hạnh)
	4	HĐTNHN (Uyên)	HĐTNHn (H.Hạnh)	HĐTNHN (Liên)	HĐTNHN (P.Hiệp)	HĐTNHN (V.Hiệp)	HĐTNHN (Kiều)	HĐTNHN (Vẹn)	HĐTNHN (B.Hiệp)	HĐTNHn (Nguyệt)	HĐTNHN (Châu)	HĐTNHN (Lan)
	5	HĐTNHN (Uyên)	HĐTNHn (H.Hạnh)	HĐTNHN (Liên)	HĐTNHN (P.Hiệp)	HĐTNHN (V.Hiệp)	HĐTNHN (Kiều)	HĐTNHN (Vẹn)	HĐTNHN (B.Hiệp)	HĐTNHn (Nguyệt)	HĐTNHN (Châu)	HĐTNHN (Lan)

Hàm Liêm, ngày 03 tháng 9 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông

THỜI KHÓA BIỂU SÁNG_KHỐI 6&8 (TIN HỌC, GDDP, GDTC)

Lần 01: Áp dụng từ tuần 01, ngày 08/9/2025

Thứ	Tiết	6 ¹	6 ²	6 ³	6 ⁴	6 ⁵	8 ¹	8 ²	8 ³	8 ⁴	8 ⁵	8 ⁶
Hai	1											
	2											
	3											
	4											
Ba	1						GDTC (Hòa)					
	2						GDTC (Hòa)					
	3									GDTC (Hòa)		
	4									GDTC (Hòa)		
Tư	1	GDTC (Thảo)			Tin (Nguyệt)	GDDP ⁽²⁾		GDTC (Hòa)		GDDP		
	2	GDTC (Thảo)			GDDP ⁽²⁾	Tin (Nguyệt)		GDTC (Hòa)		Tin (Trọng)	GDDP	
	3		GDTC (Thảo)						GDTC (Hòa)		Tin (Đông)	GDDP
	4		GDTC (Thảo)						GDTC (Hòa)			Tin (Đông)
Năm	1			GDTC (B.Hiệp)		GDTC (Kiều)	Tin (Trọng)					
	2			GDTC (B.Hiệp)		GDTC (Kiều)	GDDP	Tin (Trọng)				
	3				GDTC (B.Hiệp)			GDDP	Tin (Trọng)			
	4				GDTC (B.Hiệp)				GDDP			
Sáu	1	GDDP ⁽¹⁾									GDTC (Hòa)	
	2	Tin (Ý)	GDDP ⁽¹⁾								GDTC (Hòa)	
	3		Tin (Ý)	GDDP ⁽¹⁾								GDTC (Hòa)
	4			Tin (Ý)								GDTC (Hòa)

LƯU Ý:

<p>*GDDP⁽¹⁾ Lớp 6^{1,2,3}:</p> <p>-Từ tuần 01 đến tuần 09: Văn ĐP (X.Hạnh);</p> <p>-Từ tuần 10 đến tuần 18: Địa lí ĐP (Uyên).</p> <p>*GDDP⁽²⁾ Lớp 6^{4,5}:</p> <p>-Từ tuần 01 đến tuần 09: Văn ĐP (T.Hạnh);</p> <p>-Từ tuần 10 đến tuần 18: Địa lí ĐP (Uyên).</p> <p>* GDDP 6 học phòng 3.</p>	<p>*GDDP Khối 8:</p> <p>-Từ tuần 01 đến tuần 05: Lịch sử ĐP (Lệ)_Lớp 8^{1,2,3};</p> <p>-Từ tuần 01 đến tuần 05: Lịch sử ĐP (P.Hiệp)_Lớp 8^{4,5,6};</p> <p>-Từ tuần 06 đến tuần 10: Nhạc ĐP (Diễn)_Khối 8</p> <p>-Từ tuần 11 đến tuần 18: Văn ĐP (N.Hạnh)_Lớp 8^{1,2,3,4,5}.</p> <p>-Từ tuần 11 đến tuần 18: Văn ĐP (T.Hạnh)_Lớp 8⁶.</p> <p>*GDDP 8^{1,2,3} học phòng 3; 8^{4,5,6} học phòng 4</p>
--	--

Hàm Liêm, ngày 03 tháng 9 năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thành Đông

THỜI KHÓA BIỂU SÁNG
Lần 01: Áp dụng từ tuần 01, ngày 08/9/2025

Thứ	Tiết	7 ¹	7 ²	7 ³	7 ⁴	7 ⁵	9 ¹	9 ²	9 ³	9 ⁴	
Hai	1	<i>Chào cờ</i>									
	2	GDCD (Thản)	LS&ĐL (Đ-Phương)	LS&ĐL (Đ-Lệ)	Văn (N.Hạnh)	Văn (Vy)	KHTN (H-Là)	KHTN (H-Hương)	C.Ngh (Ngân)	KHTN (L-Dung)	
	3	KHTN (S-Là)	GDCD (Thản)	LS&ĐL (S-Loan)	Văn (N.Hạnh)	Văn (Vy)	KHTN (L-Diễm)	C.Ngh (Ngân)	LS&ĐL (Đ-Phương)	LS&ĐL (S-Lệ)	
	4	LS&ĐL (S-Loan)	KHTN (H-Dung)	Văn (N.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-Lệ)	GDCD (Thản)	Anh (Hiền)	Văn (Vy)	KHTN (L-Diễm)	LS&ĐL (Đ-Phương)	
	5	Văn (N.Hạnh)	LS&ĐL (S-Loan)	GDCD (Thản)	C.Ngh (Ngân)	LS&ĐL (Đ-Lệ)	LS&ĐL (Đ-Phương)	KHTN (L-Dung)	KHTN (H-Là)	Văn (Vy)	
Ba	1	KHTN (H-Dung)	Toán (Tiền)	C.Ngh (Ngân)	Toán (Lương)	Anh (C.Thảo)	N.Thuật (N-Phúc)	Toán (Ý)	Anh (H.Hạnh)	KHTN (S-Lan)	
	2	C.Ngh (Ngân)	KHTN (S-V.Hiệp)	Toán (Lương)	Anh (C.Thảo)	KHTN (H-Dung)	Anh (Hiền)	KHTN (S-Lan)	Anh (H.Hạnh)	N.Thuật (N-Phúc)	
	3	Toán (Tiền)	C.Ngh (Ngân)	Toán (Lương)	Anh (C.Thảo)	KHTN (S-V.Hiệp)	Anh (Hiền)	Toán (Ý)	N.Thuật (N-Phúc)	Anh (H.Hạnh)	
	4	Toán (Tiền)	N.Thuật (N-Phúc)	KHTN (S-V.Hiệp)	KHTN (H-Dung)	Toán (Lương)	KHTN (S-Lan)	Anh (H.Hạnh)	Toán (Ý)	Toán (Thảo)	
	5	Anh (H.Hạnh)	Toán (Tiền)	KHTN (H-Dung)	KHTN (S-V.Hiệp)	C.Ngh (Ngân)	Toán (Ý)	N.Thuật (N-Phúc)	KHTN (S-Lan)	Toán (Thảo)	
Tư	1	Toán (Tiền)	Văn (N.Hạnh)	Toán (Lương)	N.Thuật (MT-Lệ)	N.Thuật (N-Phúc)	LS&ĐL (Đ-Phương)	Anh (H.Hạnh)	Văn (Vy)	GDCD (H.Hạnh)	
	2	N.Thuật (N-Phúc)	Toán (Tiền)	Văn (N.Hạnh)	Toán (Lương)	LS&ĐL (Đ-Lệ)	Văn (Thùy)	Văn (Vy)	LS&ĐL (Đ-Phương)	Anh (H.Hạnh)	
	3	Văn (N.Hạnh)	Toán (Tiền)	N.Thuật (MT-H.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-Lệ)	Toán (Lương)	Văn (Thùy)	LS&ĐL (Đ-Phương)	Toán (Ý)	Anh (H.Hạnh)	
	4	Toán (Tiền)	LS&ĐL (Đ-Phương)	N.Thuật (N-Phúc)	Văn (N.Hạnh)	N.Thuật (MT-H.Hạnh)	LS&ĐL (S-Lệ)	Anh (H.Hạnh)	Toán (Ý)	Văn (Vy)	
	5	LS&ĐL (Đ-Phương)	Anh (H.Hạnh)	Văn (N.Hạnh)	N.Thuật (N-Phúc)	Toán (Lương)	Toán (Ý)	GDCD (H.Hạnh)	LS&ĐL (S-Lệ)	Văn (Vy)	

Thứ	Tiết	7 ¹	7 ²	7 ³	7 ⁴	7 ⁵	9 ¹	9 ²	9 ³	9 ⁴
Năm	1	Văn (N.Hạnh)	KHTN (S-V.Hiệp)	Anh (H.Hạnh)	Toán (Lương)	Anh (C.Thảo)	N.Thuật (MT-Phúc)	Văn (Vy)	Toán (Ý)	KHTN (H-Là)
	2	Văn (N.Hạnh)	Anh (H.Hạnh)	KHTN (S-V.Hiệp)	Toán (Lương)	Anh (C.Thảo)	Toán (Ý)	N.Thuật (MT-Phúc)	KHTN (H-Là)	Văn (Vy)
	3	KHTN (S-Là)	Anh (H.Hạnh)	Văn (N.Hạnh)	Anh (C.Thảo)	KHTN (L-Dung)	Toán (Ý)	Văn (Vy)	N.Thuật (MT-Phúc)	Toán (Thảo)
	4	KHTN (L-Dung)	Văn (N.Hạnh)	Anh (H.Hạnh)	KHTN (S-V.Hiệp)	Toán (Lương)	Văn (Thùy)	Toán (Ý)	Văn (Vy)	Toán (Thảo)
	5	Anh (H.Hạnh)	KHTN (L-Dung)	Toán (Lương)	Văn (N.Hạnh)	KHTN (S-V.Hiệp)	Văn (Thùy)	Toán (Ý)	Văn (Vy)	N.Thuật (MT-Phúc)
Sáu	1	LS&ĐL (Đ-Phuong)	N.Thuật (MT-Thân)	KHTN (L-Dung)	LS&ĐL (S-Loan)	Văn (Vy)	KHTN (H-Là)	LS&ĐL (S-Lệ)	Anh (H.Hạnh)	C.Ngh (Ngân)
	2	Anh (H.Hạnh)	Văn (N.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-Lệ)	GDCD (Thân)	Văn (Vy)	C.Ngh (Ngân)	LS&ĐL (Đ-Phuong)	GDCD (H.Hạnh)	KHTN (H-Là)
	3	N.Thuật (MT-Thân)	Văn (N.Hạnh)	Anh (H.Hạnh)	KHTN (L-Dung)	LS&ĐL (S-Loan)	GDCD (H.Hạnh)	KHTN (H-Huong)	Văn (Vy)	LS&ĐL (Đ-Phuong)
	4	HĐTNHN (Thân)	HĐTNHN (Phuong)	HĐTNHN (Loan)	HĐTNHN (Dung)	HĐTNHN (Ngân)	HĐTNHN (Diễm)	HĐTNHN (Huong)	HĐTNHN (Là)	HĐTNHN (Lệ)
	5	HĐTNHN (Thân)	HĐTNHN (Phuong)	HĐTNHN (Loan)	HĐTNHN (Dung)	HĐTNHN (Ngân)	HĐTNHN (Diễm)	HĐTNHN (Huong)	HĐTNHN (Là)	HĐTNHN (Lệ)

Hàm Liêm, ngày 03 tháng 9 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông

THỜI KHÓA BIỂU CHIỀU_KHỐI 7&9 (TIN HỌC, GDDP, GDTC)

Lần 01: Áp dụng từ tuần 01, ngày 08/9/2025

Thứ	Tiết	7 ¹	7 ²	7 ³	7 ⁴	7 ⁵	9 ¹	9 ²	9 ³	9 ⁴
Hai	2						GDTC (Hòa)			
	3						GDTC (Hòa)			
	4							GDTC (Hòa)		
	5							GDTC (Hòa)		
Ba	2	GDTC (Trọng)			Tin (Nguyệt)	GDDP ⁽²⁾			GDTC (Đơn)	
	3	GDTC (Trọng)			GDDP ⁽²⁾	Tin (Nguyệt)			GDTC (Đơn)	
	4		GDTC (Trọng)							GDTC (Hòa)
	5		GDTC (Trọng)							GDTC (Hòa)
Tư	2	Tin (Nguyệt)			GDTC (Trọng)					
	3	GDDP ⁽¹⁾	Tin (Nguyệt)		GDTC (Trọng)					
	4		GDDP ⁽¹⁾	Tin (Nguyệt)		GDTC (Trọng)				
	5			GDDP ⁽¹⁾		GDTC (Trọng)				
Năm	2								Tin (Trọng)	GDDP ⁽²⁾
	3								GDDP ⁽²⁾	Tin (Trọng)
	4			GDTC (Trọng)			Tin (Đông)	GDDP ⁽¹⁾		
	5			GDTC (Trọng)			GDDP ⁽¹⁾	Tin (Đông)		
Sáu	2									
	3									
	4									
	5									

LƯU Ý:

<p>*GDDP⁽¹⁾ Lớp 7^{1,2,3} : -Từ tuần 01 đến tuần 08: Địa lí ĐP (Dũng); -Từ tuần 09 đến tuần 11: Lịch sử ĐP (P.Hiệp); -Từ tuần 12 đến tuần 18: GDCD ĐP (Thần).</p> <p>*GDDP⁽²⁾ Lớp 7^{4,5}: -Từ tuần 01 đến tuần 08: Địa lí ĐP (Dũng); -Từ tuần 09 đến tuần 11: Lịch sử ĐP (P.Hiệp); -Từ tuần 12 đến tuần 18: GDCD ĐP (B.Hiệp).</p> <p>*GDDP 7 học phòng 4.</p>	<p>*GDDP⁽¹⁾ Lớp 9^{1,2} : -Từ tuần 01 đến tuần 03: GDCD ĐP (H.Hạnh); -Từ tuần 04 đến tuần 10: Văn ĐP (Thùy); -Từ tuần 11 đến tuần 18: Địa lí ĐP (Loan).</p> <p>*GDDP⁽²⁾ Lớp 9^{3,4}: -Từ tuần 01 đến tuần 03: GDCD ĐP (B.Hiệp); -Từ tuần 04 đến tuần 10: Văn ĐP (Thùy); -Từ tuần 11 đến tuần 18: Địa lí ĐP (Phương).</p> <p>*GDDP 9 học phòng 3.</p>
---	---

Hàm Liêm, ngày 03 tháng 9 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông